

Số: /TB-CCTS

Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 2, thu mẫu ngày 04/6/2024

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, năm 2024, Chi cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nhận xét kết quả phân tích và khuyến cáo của Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc tại Thông báo số QTQT240605 ngày 09/6/2024, Chi cục Thủy sản thông báo kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 2, thu mẫu ngày 04/6/2024, cụ thể như sau:

Phần I. Thông tin chung điểm quan trắc

Bảng 1. Thông tin địa điểm thu mẫu

Stt	Địa điểm lấy mẫu	Toạ độ	
1	Huyện Vĩnh Linh	1. Xã Vĩnh Thái (VT): nguồn nước cấp ven biển thôn Tân Hòa.	17.144809, 107.018466
		2. Xã Vĩnh Sơn 1 (VS1): nguồn nước cấp ven sông tại Cống Ba Cựa.	17.004360, 107.044788
		3. Xã Vĩnh Sơn 2 (VS2): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Tiên An.	16.972700, 107.033382
		4. Xã Vĩnh Lâm (VL): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Châu Thị.	17.037659, 107.024472
		5. Xã Hiền Thành (HT): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa khu nuôi tôm HTX NTTS Vĩnh Thành.	17.010744, 107.063689
		6. Xã Vĩnh Giang (VG): nguồn nước cấp ven sông tại Bến Đò thôn Tùng Luật.	17.000154, 107.098734
2	Huyện Gio Linh	7. Xã Trung Giang (TG): nguồn nước cấp ven biển thôn Nam Sơn.	17.003985, 107.115077
		8. Xã Gio Mai (GM): nguồn nước cấp ven sông thôn Mai Xá.	16.877005, 107.145400

Stt	Địa điểm lấy mẫu		Toạ độ
3	Huyện Triệu Phong	9. Xã Triệu An (TA): nguồn nước cấp ven biển thôn Hà Tây.	16.881222, 107.218898
		10. Xã Triệu Vân (TV): nguồn nước cấp ven biển thôn 9.	16.872506, 107.227488
		11. Xã Triệu Lăng (TL): nguồn nước cấp ven biển thôn Ba Tư.	16.814136, 107.294745
		12. Xã Triệu Phước (TP): nguồn nước cấp ven sông thôn Hà La.	18.869130, 107.167754
		13. Xã Triệu Độ (TĐ): nguồn nước cấp ven sông tại Cầu Phao.	16.828320, 107.131726
4	Huyện Hải Lăng	14. Xã Hải An (HA): nguồn nước cấp ven biển thôn Thuận Đầu.	16.777794, 107.340943
5	Thành phố Đông Hà	15. Phường Đông Giang (ĐG): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa HTX Đông Giang 2.	16.837688, 107.118808
		16. Phường Đông Lễ (ĐL): nguồn nước cấp ven sông khu phố Lập Thạch.	16.833642, 107.126739

Phần II. Thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước cấp

I. Kết quả phân tích mẫu

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần phân tử độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	[2]	≤1000 ^[1]	
I. Vùng nước cấp ven sông																		
1	Vĩnh Sơn 1	33,8	7,69	14	35	62	0,002	4,28	0,189	0,345	2,5	0,028	46,00	4,80	3700	0	350	Âm tính
2	Vĩnh Sơn 2	34,4	7,31	7	30	50	0,003	4,58	0,015	0,169	1,5	0,000	34,67	2,56	0	0	150	Âm tính
3	Vĩnh Lâm	33,6	7,21	7	35	38	0,003	4,84	0,028	0,522	1,6	0,023	18,00	4,16	0	0	180	Âm tính
4	Hiền Thành	33,7	8,22	16	40	58	0,000	5,38	0,000	0,023	2,33	0,000	28,00	4,16	0	0	180	Âm tính
5	Vĩnh Giang	32,6	7,86	19	35	68	0,000	5,02	0,015	0,025	2,59	0,000	24,50	2,40	0	0	220	Âm tính
6	Gio Mai	31,2	7,64	20	40	78	0,000	4,33	0,029	0,101	2,42	0,000	32,50	1,60	24000	0	2700	Âm tính
7	Triệu Phước	30,4	7,44	17	45	70	0,000	5,45	0,036	0,004	2,91	0,000	28,00	2,08	6300	0	600	Âm tính
8	Triệu Độ	31,7	7,74	19	40	76	0,000	5,38	0,044	0,217	2,78	0,000	26,50	2,40	0	0	90	Âm tính
9	Đông Giang	32,6	7,57	7	30	90	0,002	4,11	0,012	0,263	5,55	0,000	24,00	2,88	0	0	0	Âm tính
10	Đông Lễ	31,7	7,74	20	40	80	0,000	5,45	0,038	0,079	2,44	0,000	29,50	7,84	0	6 (Tảo <i>Dinophysis caudata</i>)	53	Âm tính

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần tảo độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	[2]	≤1000 ^[1]	
II. Vùng nước cấp ven biển																		
11	Vĩnh Thái	31,0	7,84	31	80	108	0,000	5,92	0,000	0,248	3,2	0,000	75,00	1,60	0	0	3000	Âm tính
12	Trung Giang	30,5	7,96	34	70	104	0,000	6,18	0,003	0,045	3,55	0,000	40,00	0,80	5300	0	1600	Âm tính
13	Triệu An	30,7	7,82	33	80	104	0,000	6,31	0,002	0,025	4,78	0,008	35,50	0,80	0	0	40	Âm tính
14	Triệu Vân	30,5	7,89	33	80	100	0,000	6,15	0,000	0,066	2,84	0,000	41,00	1,12	0	3 (Tảo <i>Dinophysis caudata</i>)	37	Âm tính
15	Triệu Lăng	30,5	7,86	33	80	106	0,000	5,92	0,000	0,015	2,47	0,000	42,50	0,96	0	0	73	Âm tính
16	Hải An	30,7	7,91	33	80	104	0,000	6,03	0,002	0,098	2,27	0,009	32,00	1,12	0	0	50	Âm tính

Ghi chú:

Ký hiệu ^[1]: TCVN 13656:2023: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Ký hiệu ^[2]: TCVN 13951:2024: Nước nuôi trồng thủy sản - Nước biển - Yêu cầu chất lượng.

Ký hiệu ^[3]: QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

Ký hiệu ^[4]: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Đối với chỉ tiêu Coliform, ngưỡng giới hạn cho phép đối với vùng nước cấp ven sông áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT; vùng nước cấp ven biển áp dụng theo QCVN 10:2023/BTNMT.

II. Đánh giá chất lượng nước cho nuôi tôm nước lợ (AWQI)

Bảng 3. Kết quả đánh giá AWQI nước nguồn cấp

Stt	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
1	Vĩnh Thái	46	Trung bình	<i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, chạy quạt khí trước khi cấp vào ao nuôi
2	Vĩnh Sơn 1	96	Rất tốt		
3	Vĩnh Sơn 2	90	Rất tốt		
4	Vĩnh Lâm	53	Trung bình	Độ kiềm	Sự dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm
5	Hiền Thành	99	Rất tốt		
6	Vĩnh Giang	100	Rất tốt		
7	Trung Giang	88	Rất tốt		
8	Gio Mai	72	Tốt	<i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, chạy quạt khí trước khi cấp vào ao nuôi
9	Triệu An	95	Rất tốt		
10	Triệu Vân	95	Rất tốt		
11	Triệu Lãng	95	Rất tốt		
12	Triệu Phước	100	Rất tốt		
13	Triệu Độ	100	Rất tốt		
14	Hải An	95	Rất tốt		
15	Đông Giang	91	Rất tốt		
16	Đông Lễ	100	Rất tốt		

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số AWQI gồm: pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, N-NH₄⁺, TSS và *Vibrio* tổng số.

III. Nhận xét kết quả phân tích

1. Xã Vĩnh Sơn 1 (công Ba Cựa)

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,06 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn 1,61 và 1,17 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

2. Xã Vĩnh Sơn 2 (chân cầu Tiên An)

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,08 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn 1,03, 2,0 và 1,09 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

3. Xã Vĩnh Lâm

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,05 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn 1,04, 2,63 và 1,03 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

4. Xã Hiền Thành

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,05 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,72 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

5. Xã Vĩnh Giang

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,02 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,47 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

6. Xã Gio Mai

Các thông số độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn 1,28 và 1,15 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số lần lượt có giá trị cao gấp 4,8 lần và 2,7 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá

trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

7. Xã Triệu Phước

Các thông số pH và độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn 1,01 và 1,43 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* có giá trị cao gấp 1,26 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

8. Xã Triệu Độ

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

9. Phường Đông Giang

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,02 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn 1,11 và 1,22 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

10. Phường Đông Lễ

Các thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,25 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước. Phát hiện tảo độc *Dinophysis caudata* với mật độ thấp (6 Tế bào/L) (Bảng 2).

11. Xã Vĩnh Thái

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,24 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Vibrio* tổng số có giá trị cao gấp 3 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD và *Coliform* có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

12. Xã Trung Giang

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,36 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số lần lượt có giá trị cao gấp 5,3 lần và 1,6 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

13. Xã Triệu An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

14. Xã Triệu Vân

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước. Phát hiện tảo độc *Dinophysis caudata* với mật độ thấp (3 Tế bào/L) (Bảng 2).

15. Xã Triệu Lăng

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

16. Xã Hải An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

IV. Khuyến cáo

- Đối với nguồn nước cấp có các thông số nằm ngoài giới hạn cho phép để nuôi tôm, các chủ cơ sở nuôi cần thực hiện các giải pháp sau:

+ Vùng nước cấp có mật độ *Coliform* tổng số và *Vibrio* tổng số cao hơn giới hạn cho phép: nguồn nước cấp phải được bơm xử lý qua bể lọc hoặc túi lọc để loại bỏ hoàn toàn các ấu trùng, rác thải, các loài động vật cua, ốc, côn trùng, cá tạp...; khử trùng bằng các hóa chất diệt khuẩn BKC, Chlorine, ... (liều lượng theo hướng dẫn nhà sản xuất); quạt nước để loại bỏ hoá chất khử trùng và tăng cường ôxy hoà tan trước khi cấp vào ao nuôi.

- Vùng nước cấp có độ kiềm thấp: cần tăng cường bổ sung các sản phẩm khoáng tăng kiềm kết hợp với vôi giúp ổn định độ kiềm, tăng khả năng lột vỏ và phát triển tốt cho tôm.

+ Vùng nước cấp có độ mặn cao trên 25‰: cần tiến hành theo dõi, có biện pháp lưu trữ nước và điều chỉnh độ mặn thích hợp nằm trong ngưỡng cho phép (7 - 25‰) trước khi cấp vào ao nuôi.

- Các cơ sở nuôi cần lấy nước cấp qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc ≤200 µm) ở thời điểm đỉnh triều vào ao lắng và chạy quạt khí để tăng oxy hoà tan trong nước trước khi cấp vào ao nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi pH trước khi cấp nước vào ao. Chú ý sau các thời điểm có mưa lớn kéo dài, để hạn chế hiện tượng giảm độ mặn và pH đột ngột, cần rải vôi quanh bờ ao (liều lượng 10kg/1000m²) và bón xuống ao (liều lượng 15-20 kg/1000 m² mặt nước), tăng cường chạy quạt nước để đảo đều nước và tăng hàm lượng oxy hòa tan trong ao nuôi. Cần chú ý xử lý từ từ để đảm bảo pH không bị thay đổi đột ngột và duy trì trong khoảng phù hợp từ 7,5 - 8,5.

Chi cục Thủy sản kính thông báo để quý cơ quan, đơn vị được biết; đồng thời kính đề nghị UBND các huyện, thành phố có liên quan chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn kịp thời thông báo đến các chủ cơ sở nuôi tôm biết nhằm nắm bắt được thực trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm tập trung để có kế hoạch sản xuất hợp lý, áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm quản lý tốt môi trường ao nuôi, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy sản (b/c);
- Cục Thú y (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở TN&MT (b/c);
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và UBND thành phố Đông Hà;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đ/b);
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Giống nông nghiệp tỉnh (đ/b);
- Trung tâm Quan trắc môi trường và bệnh thủy sản miền Bắc (p/h);
- Phòng NN&PTNT các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Phòng Kinh tế thành phố Đông Hà;
- UBND các xã: Vĩnh Thái, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Giang, Trung Giang, Gio Mai, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Phước, Triệu Độ, Hải An và UBND các phường: Đông Giang, Đông Lễ;
- UBND xã Hải Khê (tham khảo);
- Bản tin Nông nghiệp tỉnh;
- Chi cục trưởng;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Lưu: VT, NTTS.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Hữu Thặng